

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2025/DS-PT

Ngày: 26-03-2025

V/v tranh chấp tài sản
chung, thừa kế tài sản,
yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại và
yêu cầu hủy văn bản
công chứng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2025/DS-PT ngày 02/01/2025 về việc: “Tranh chấp tài sản chung, thừa kế tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và yêu cầu hủy văn bản công chứng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2024/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lý Thị Bích P, sinh năm 1965; địa chỉ: Số C, Khu F, đường H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1988; địa chỉ: G, P, tổ B, khu H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Lý Phương T1, sinh năm 1997;

2. Bà Nguyễn Lý Phương T2, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: Số C Khu F, đường H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1989; địa chỉ: G P, tổ B, Khu H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Lý Minh C, sinh năm 1968; địa chỉ: E H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Văn phòng C2 (nay là Văn phòng C3); địa chỉ: A Đại lộ B, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng*: Ông Viên Ngọc T3, sinh năm 1956; địa chỉ: Số A L, Tổ H, khu A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lý Thị Bích P; bị đơn ông Nguyễn Minh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H và ông Lý Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 25/02/2022, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 14/3/2023, các bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lý Thị Bích P là ông Hoàng Đình H1 trình bày:

Nguyên đơn bà Lý Thị Bích P và ông Nguyễn Văn T4 (sinh năm 1963, chết ngày 09/3/2020 theo Trích lục khai tử số 193/TLKT ngày 09/3/2020 tại Ủy ban nhân dân phường T) là vợ chồng kết hôn năm 2004 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) T1 cấp ngày 13/02/2004. Ông T4 có cha là ông Nguyễn Văn N (đã chết năm 2002) và mẹ là bà Lê Thị B (chết năm 1992). Ông T4 và bà P có 02 người con chung là Nguyễn Lý Phương T2, sinh năm 2003 và Nguyễn Lý Phương T1 sinh năm 1997. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T4 còn có 02 người con riêng với vợ trước đã ly hôn là ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H. Ông T4 chết không để lại di chúc. Khi còn sống ông Nguyễn Văn T4 được cha mẹ tặng cho thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, với diện tích 1.000m², trong đó có 50m² đất ở tại đô thị và 950m² đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4.

Trên đất hiện có các tài sản gắn liền do ông T4 và bà P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 220m², kết cấu tường gạch xây tô, nền gạch men, mái đúc và có đóng trần;
- Các cây trồng trên đất gồm các cây lâu năm 30 cây sồi và 02 cây sộp; và
- 01 hàng rào lưới thép B40 cột xây bằng gạch và cổng sắt (giáp đường H).

Trên đất còn có 01 căn nhà tạm do ông Nguyễn Minh T xây dựng (căn nhà này khi còn sống ông T4 đã đồng ý để cho ông T cất nhà trên đất để tạo điều kiện cho ông T có chỗ ở với gia đình riêng của T và cũng thể hiện ý nguyện sau này sẽ phân chia cho ông T phần đất tại vị trí căn nhà trên nhưng nay ông T không sinh sống tại đây mà sử dụng căn nhà để làm cơ sở sản xuất long phụng trang trí lễ hội.

Ngoài ra, giữa ông T4 và bà Lý Thị Bích P còn có các tài sản chung bao gồm:

- 01 Xe máy hiệu Hongchi biển số 61H4 - 0287 theo Giấy đăng ký xe số 0003380 cấp ngày 31/10/2001; và

- Đồ đạc sinh hoạt chung trong nhà gồm: 01 máy lạnh; 01 ti vi hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế gỗ gỗ đỏ; 01 cái bàn gỗ cắm xe; 01 bộ ván gỗ giáng hương. Các tài sản này hiện nay do bà P đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Trong thời gian trước khi ông Nguyễn Văn T4 mất, ông T4 bệnh nặng nên mọi chi phí chăm sóc, chữa bệnh cho ông T4 bà P phải vay của ông Lý Minh C tổng số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) theo các Giấy vay tiền ngày 06/5/2019; ngày 08/7/2019; ngày 05/9/2019; ngày 07/11/2019; ngày 09/01/2020 và ngày 12/02/2020. Ngoài ra, khi ông T4 mất, tổng chi phí lo hậu sự cho ông T4 là 204.120.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng) bà P đã mượn của ông C nên hiện tại tổng số nợ phải trả cho ông C là: 2.004.120.000 đồng.

Sau khi ông T4 chết, bà P tiến hành làm thủ tục phân chia di sản thừa kế, theo đó ông Nguyễn Minh H đã nhận số tiền 250.000.000 đồng của bà P và ngày 17/4/2021 ông H đã lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế số 005129 tại Văn phòng C2 để “tự nguyện từ chối nhận phần di sản mà ông H được hưởng do ông Nguyễn Văn T4 để lại”. Riêng ông Nguyễn Minh T thì không đồng ý ký văn bản thỏa thuận với bà P để phân chia di sản thừa kế nên phát sinh tranh chấp.

Nay, bà P khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa bà và ông T4 và chia thừa kế theo pháp luật đối với các di sản của ông Nguyễn Văn T4 như sau:

- Đối với quyền sử dụng thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (trong đó có 50m² đất ở tại đô thị và 950m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 là tài sản riêng của ông T4.

Các tài sản chung giữa ông T4 và bà P gồm:

- + 01 Xe máy hiệu Hongchi biển số 61H4-0287, theo Giấy đăng ký xe số 0003380 cấp ngày 31/10/2001;

- + Đồ đạc sinh hoạt chung trong nhà gồm 01 máy lạnh; 01 tivi hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế gỗ gỗ

đỏ; 01 cái bàn gỗ cắm xe; 01 bộ ván gỗ giăng hương và các đồ đạc sinh hoạt chung trong nhà có tổng giá trị ước tính khoảng 50.000.000 đồng;

+ 01 căn nhà cấp 4 có diện tích khoảng 220m², kết cấu tường gạch xây tô, nền gạch men, mái tôn kim loại và có đóng trần;

+ Cây trồng lâu năm gồm: 30 cây sồi, 02 cây sộp; và

+ Hàng rào lưới thép cùng cột xây bằng gạch và cổng sắt.

Ngoài ra giữa bà P và ông T4 còn có nghĩa vụ chung là khoản nợ 2.004.120.000 đồng (Hai tỷ, không trăm lẻ bốn triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng) của ông Lý Minh C; bà P xác định đây là khoản nợ phát sinh khi ông T4 còn sống, ông T4 bệnh nặng nên bà đã vay mượn của ông C nhiều lần để chữa bệnh cho ông T4 và chi phí sinh hoạt trong gia đình. Do vậy, nay ông C yêu cầu trả khoản vay trên thì bà P đồng ý trả $\frac{1}{2}$ và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 thực hiện nghĩa vụ của ông T4 chết để lại đối với $\frac{1}{2}$ số tiền nợ ông C là 1.002.060.000 đồng.

Về kết quả đo đạc và kết quả định giá đất của Hội đồng định giá nguyên đơn thống nhất và không có ý kiến gì khác.

Ngày 13/3/2023, nguyên đơn có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông T4 gồm quyền sử dụng thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng tài sản gắn liền thành 04 kỷ phần cho các thừa kế gồm bà P, bà T2, bà T1 và ông Minh T. Bà P yêu cầu nhận hiện vật đối với phần đất có căn nhà cấp 04 gắn liền mà bà đang quản lý sử dụng. Riêng đối với ông Nguyễn Minh H đã có Văn bản từ chối nhận di sản nên bà P yêu cầu Tòa án không phân chia di sản của ông T4 cho ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung đối với các tài sản gắn liền đất và đồ đạc sinh hoạt trong gia đình. Bà P yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với Thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương bằng hiện vật cho 04 đồng thừa kế gồm bà P, bà T2, bà T1 và ông Minh T, cụ thể: Chia cho bà P toàn bộ diện tích đất đã có căn nhà do bà và ông T4 xây dựng và phần đất nối liền phía trước tiếp giáp đường Huỳnh Thị H2 có chiều ngang khoảng 07m kéo dài vào đến thềm nhà khoảng 14 m, cùng với phần đất tiếp giáp phía sau phần đất nhà này kéo sát đến ranh phần đất có căn nhà của ông T xây dựng để làm nơi ở ổn định cho bà P. Bà P sẽ thanh toán lại phần chênh lệch (nếu có) cho những đồng thừa kế còn lại.

Yêu cầu chia cho bà Nguyễn Lý Phương T1 phần đất bên cạnh phần đất bà P có chiều ngang mặt trước tiếp giáp đường Huỳnh Thị H2 khoảng 7m, chiều dài khoảng 41m, phần đất này hiện nay bà T1 đang sử dụng, đầu tư xây dựng thêm phần công trình để bán hàng ăn và giải khát. Yêu cầu chia cho bà Nguyễn Lý Phương T2 phần đất tiếp nối phía sau phần đất yêu cầu chia cho Nguyễn Lý Phương T1, bên cạnh phần đất ông Nguyễn Minh T đã xây nhà. Phần đất này bà

P yêu cầu chia cho bà T2 có chiều ngang tiếp giáp đường bê tông hiện hữu khoảng 9,5m, chiều dài khoảng 26,6m. Chia cho ông Nguyễn Minh T phần đất bên cạnh phần đất yêu cầu chia cho bà Nguyễn Lý Phương T2, phần đất này đã có căn nhà mà ông T xây dựng có diện tích đất là 159,5m² (chiều ngang 6m, chiều dài khoảng 26,6m) theo bản vẽ mà bà P với ông T đã thuận được với nhau trước khi khởi kiện để tách phần đất này cho ông T (Mảnh trích lục địa chính số 598 -2020 ngày 18/01/2021). Điều này hoàn toàn phù hợp thực tế vì đúng với ý nguyện của người để lại di sản là ông T4 do khi còn sống ông T4 đồng ý cho T làm nhà ở tại vị trí này. Đối với ông Nguyễn Minh H do đã ký văn bản từ chối di sản số 005129 ngày 17/4/2021 nên yêu cầu không chia thừa kế cho ông H.

Đồng thời, đại diện nguyên đơn đề nghị xác định chiếc xe máy hiệu Hongchi biển số 61H4-0287, Giấy đăng ký xe số 0003380 cấp ngày 31/10/2001 cho bà Lý Thị Bích P là tài sản cá nhân bà P nên không đưa vào khối tài sản chung với ông T4. Về giá trị các đồ đạc sinh hoạt trong gia đình nguyên đơn đề nghị khấu hao 10% giá trị kể từ thời điểm nguyên đơn đưa ra giá theo đơn khởi kiện nên giá trị hiện nay tương đương 40.000.000 đồng. Riêng đối với ông Nguyễn Minh H đã có Văn bản từ chối nhận di sản nên yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H.

Về nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Lý Minh C là 2.004.120.000đồng, bà P đồng ý trả $\frac{1}{2}$ và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 gồm bà P, bà T2, bà T1 và ông Minh T thực hiện nghĩa vụ của ông T4 chết để lại là trả $\frac{1}{2}$ số tiền 2.004.120.000đồng tương đương 1.002.060.000đồng cho ông C.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Minh T do bà Nguyễn Thị Kim N1 đại diện trình bày: Thống nhất ý kiến đại diện nguyên đơn về hàng thừa kế và nguồn gốc di sản do ông Nguyễn Văn T4 chết để lại. Ông T4 chết không để lại di chúc. Ông T thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị chia di sản của ông T4 đối với quyền sử dụng thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (trong đó có 50m² đất ở tại đô thị và 950m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 thành 05 kỷ phần bằng nhau cho bà P, các con ông T4 gồm ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Lý Phương T2 và bà Nguyễn Lý Phương T1; ông T yêu cầu nhận bằng hiện vật tương đương 01 kỷ phần thừa kế. Đối với kết quả đo đạc thực tế hiện nay diện tích thửa đất là 992,1m² và kết quả định giá đã được công bố bị đơn ông T thống nhất, không có ý kiến gì khác.

Riêng đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Minh C1 về việc yêu cầu bà P và hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 phải thanh toán khoản nợ 2.004.120.000 đồng ông T không đồng ý. Việc bà P xác định đây là khoản nợ chung giữa bà và ông T4 đã vay của ông Lý Minh C khi ông T4 còn sống nhằm mục đích chữa bệnh cho ông T4 và chi phí sinh hoạt trong gia đình là không đúng. Ông T4 không ký tên trên các giấy mượn tiền mà phía ông C đưa ra và ông T cũng không được ông T4 công khai số nợ trên khi còn sống cũng như sau khi ông T4 mất thì ông T cũng không biết gì về các khoản nợ trên. Việc ông C có yêu cầu độc lập yêu cầu hàng

thừa kế thứ nhất của ông T4 phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên là không có căn cứ, bị đơn không đồng ý với yêu cầu độc lập. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản của ông T4 thành 04 kỷ phần mà đề nghị chia thành 05 kỷ phần như trên.

Ngoài ra, bị đơn có xây dựng một căn nhà tạm trên thửa đất 893 nên khi phân chia di sản thừa kế đối với phần đất trên thì bị đơn yêu cầu được nhận phần đất gắn liền căn nhà hoặc nếu chia cho các thừa kế khác thì các đồng thừa kế phải thanh toán lại giá trị căn nhà trên cho bị đơn theo giá của Hội đồng định giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông T không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông C về việc yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 gồm bà P, bà T2, bà T1 và ông Minh T thực hiện nghĩa vụ của ông T4 chết để lại. Đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh H về việc tuyên hủy văn bản từ chối nhận di sản và chia di sản của ông T4 thành 05 kỷ phần cho bà P, bà T2, bà T1, ông Minh T và ông H. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý Minh C về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H do bà Đoàn Thị Hồng L đại diện trình bày:

Thống nhất ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn về hàng thừa kế, về nguồn gốc di sản của ông Nguyễn Văn T4. Về kết quả đo đạc, định giá đã công bố, ông H thống nhất ý kiến bị đơn. Đồng thời, ông H thừa nhận ngày 17/4/2021, ông H có lập văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 do ông H và bà P đã có thỏa thuận về việc bà P giao cho ông H số tiền 250.000.000 đồng và ông H lập văn bản từ chối nhận di sản trên. Tuy nhiên nay phát sinh tranh chấp, ông H nhận thấy quyền lợi mình chưa được bảo đảm nên ông H có yêu cầu độc lập đề nghị hủy Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 được lập tại Văn phòng công chứng Sở sao ngày 17/4/2021 và tiếp tục phân chia di sản thừa kế của ông T4 đối với quyền sử dụng thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cùng tài sản gắn liền thành 05 kỷ phần bằng nhau cho bà P, bà T2, bà T1, ông T và ông H. Ông H yêu cầu nhận hiện vật tương đương 01/5 kỷ phần thừa kế.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Lý Minh C đối với khoản nợ 2.004.120.000 đồng theo các Giấy vay tiền ngày 06/5/2019; 08/7/2019; 05/9/2019; 07/11/2019; 09/01/2020; 12/02/2020, ông C và bà P cho rằng đây là khoản nợ chung giữa bà P và ông T4 trong thời kỳ hôn nhân, đã vay của ông Lý Minh C khi ông T4 còn sống nhằm mục đích chữa bệnh cho ông T4 và chi phí sinh hoạt trong gia đình nên ông C yêu cầu bà P phải thanh toán $\frac{1}{2}$ và yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông T4 có nghĩa vụ thanh toán cho ông C $\frac{1}{2}$ giá trị tương đương 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) và tiền chi phí lo hậu sự cho ông T4 là 204.120.000 đồng là không đúng thực tế. Ông H, ông T đều không biết các khoản nợ trên và cũng không nghe ông T4 đề cập khi còn sống, về chi phí lo hậu sự cho ông T4 thì bà P là người giữ tiền phúng điếu nên xem như trừ vào chi phí mai táng nên yêu cầu độc lập của ông C, ông H không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H giữ nguyên yêu cầu độc lập đề nghị hủy Văn bản từ chối di sản số 005129 quyền số 04/2021TP/CC- SCC/HĐGD ngày 17/4/2021 lập tại Văn phòng công chứng Sở Sao ngày 17/4/2021 của ông Nguyễn Minh H; chia thừa đất số 893 thành 05 (năm) phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T4 gồm: bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2, ông Nguyễn Minh H và ông Nguyễn Minh T. Đồng thời, ông Nguyễn Minh H yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của mình bằng hiện vật.

Tại đơn yêu cầu độc lập, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh C trình bày:

Ông C yêu cầu bà Lý Thị Bích P và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T4 thực hiện nghĩa vụ trả nợ và thực hiện nghĩa vụ của người chết, cụ thể ông C yêu cầu bà P có nghĩa vụ thanh toán cho ông ½ số tiền nợ 2.004.120.000 đồng theo các Giấy vay tiền ngày 06/5/2019, ngày 08/7/2019, ngày 05/9/2019, ngày 07/11/2019, ngày 09/01/2020, ngày 12/02/2020 và yêu cầu những người thừa kế của ông T4 thực hiện nghĩa vụ của ông T4 để lại gồm bà P, bà T2, bà T1 và ông T phải thanh toán cho ông ½ tổng số nợ là 1.002.060.000 đồng. Cụ thể yêu cầu bà P trả ½ số tiền tương đương 1.002.060.000 đồng và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T4, trả cho ông C ½ số tiền còn lại tương đương 1.002.060.000 đồng theo 07 giấy vay nợ được lập giữa ông C và bà P, ông T4, thời điểm vay tiền ông T4 còn sống nhưng do ông Tân B1 nên nghĩ anh em trong gia đình chỉ cần một người đại diện ký tên nên giấy vay tiền chỉ có bà P ký tên, chữ viết trên các giấy vay do bà Nguyễn Lý Phương T1 và Nguyễn Lý Phương T2 con bà P viết, có người làm chứng ông Viên Ngọc T3. Tôi sẽ cung cấp thông tin họ tên đầy đủ và địa chỉ của ông T3 để Tòa án triệu tập làm rõ khoản nợ trên trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày làm việc hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lý Phương T1 và Nguyễn Lý Phương T2 trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn về hàng thừa kế, về di sản thừa kế, nguồn gốc di sản.

Về kết quả đo đạc, định giá đã công bố, bà T2 và bà T1 không có ý kiến gì khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lý Phương T1 và Nguyễn Lý Phương T2 thống nhất ý kiến trình bày và đề nghị phân chia di sản như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất yêu cầu độc lập của ông Lý Minh C.

Người làm chứng là ông Viên Ngọc T3 trình bày như sau: Ông Viên Ngọc T3 là anh rể của bà P và ông Lý Minh C, ông T4 là chồng bà P. Ông T3 không sinh sống gần nhà bà P hay ông C nhưng thỉnh thoảng gia đình có đám tiệc thì ông T3 có gặp ông C, ông T4, bà P và biết năm 2017 thì ông T4 phát bệnh nên bà P có hỏi mượn tiền của ông C nhiều lần để điều trị bệnh cho ông T4. Đến năm 2019, trong lễ cúng thất của ba vợ ông T3 thì để đảm bảo việc vay mượn giữa ông

C và bà P, ông C có nhờ ông T3 làm chứng cho việc vay mượn giữa ông C và bà P nên ông T3 có ký tên xác nhận làm chứng cho việc vay mượn, thời điểm xác nhận thì ông T4 có mặt chứng kiến, biết việc vay mượn nhưng không có ký tên. Thời điểm đó, ông T3 chỉ nhớ là ông C có đưa ông T3 xác nhận hai khoản tiền nhưng không nhớ chính xác ngày tháng nào, chỉ nhớ một khoản vay 400.000.000 đồng và một khoản 500.000.000 đồng, còn những khoản vay sau đó ông T3 chỉ nghe nói thôi chứ không rõ và cũng không có xác nhận gì. Ông T3 xác định hai khoản vay trên là khoản vay chung của bà P và ông T4 vì thời điểm trên ông T4 làm cán bộ phường xã nên mức lương thấp, do đó khi ông T4 phát bệnh thì bà P mới phải đi vay mượn để trị bệnh cho ông T4. Tuy nhiên theo ông biết chỉ là tiền cho mượn, không thỏa thuận lãi.

Đến năm 2020, ông T4 mất thì phía gia đình ông T4 không hỗ trợ chi phí mai táng mà chính bà P nhờ ông C đứng ra lo mọi chi phí đám tang cho ông T4, còn chi tiết số tiền từng khoản như thế nào thì ông T3 không rõ. Ngoài ra, ông T3 không biết, không trình bày gì thêm và cũng không có ý kiến gì về vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H là ông Nguyễn Thanh T5 tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia nghĩa vụ nợ do ông Nguyễn Văn T4 để lại là khoản nợ chung 2.004.120.000 đồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Lý Thị Bích P và ông Nguyễn Văn T4; yêu cầu buộc các đồng thừa kế thực hiện nghĩa vụ đối với phần nợ của ông Nguyễn Văn T4 để lại là: 1.002.060.000 đồng. Chấp nhận hủy Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế số 005129 quyền số 04/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/4/2021 lập tại Văn phòng C2; Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 đối với Thửa đất số 893 cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T4 gồm: bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2, ông Nguyễn Minh H và ông Nguyễn Minh T, ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H, yêu cầu chia bằng hiện vật cho ông T, ông H. Ông T yêu cầu được nhận phần đất có chiều ngang khoảng 03m, chiều dài khoảng 66,8m, diện tích khoảng 200m². Ông H yêu cầu được nhận phần đất chiều ngang khoảng 03m, chiều dài khoảng 66,8m, diện tích khoảng 200m². Đối với phần di sản thừa kế là các tài sản trên đất và các động sản được thể hiện tại Đơn khởi kiện tháng 02/2022, Biên bản định giá tài sản ngày 22/7/2022, ông T và ông H mong muốn được nhận khoản tiền tương ứng với phần di sản thừa kế mình được hưởng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2024/DS-ST ngày 12/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Bích P về việc tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng; chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Nguyễn Văn T4 như sau:

Xác định Thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy

ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản gắn liền trên đất (tương đương số tiền 408.396.410đồng) là di sản do ông Nguyễn Văn T4 chết để lại.

Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 đối với Thừa đất số 893 thành 04 kỷ phần bằng nhau cho bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 và ông Nguyễn Minh T, cụ thể:

Bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 744,1m² (trong đó có 50m² đất thổ cư) gắn liền căn nhà cấp 04 diện tích 212,5m² có kết cấu tường gạch xây tô, nền gạch men, mái đúc thuộc một phần Thừa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Ông Nguyễn Minh H được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 248m² gắn liền căn nhà tạm diện tích 83,6m² (và 15,7m²KLXD) có kết cấu cột sắt, vách gạch + tole, nền xi măng, mái tole thuộc một phần Thừa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố T) cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Các đương sự được nêu trên có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia giao theo quyết định của bản án theo quy định pháp luật về đất đai.

Bà Lý Thị Bích P được quyền quản lý sử dụng các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 máy lạnh; 01 ti vi hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế gỗ gỗ đỏ; 01 cái bàn gỗ cắm xe và 01 bộ ván gỗ giáng hương.

Bà Lý Thị Bích P có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông T4 gồm bà Nguyễn Lý Phương T2, bà Nguyễn Lý Phương T1, ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H mỗi người một kỷ phần thừa kế đối với di sản là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của ông T4 là 81.679.282đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H về việc yêu cầu hủy Văn bản từ chối di sản thừa kế lập ngày 17/4/2021 tại Văn phòng C2.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh C về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Buộc bà Lý Thị Bích P phải hoàn trả cho ông Lý Minh C tổng số tiền vay là 1.800.000.000đồng theo các Giấy vay tiền ngày 06/5/2019, ngày 08/7/2019,

ngày 05/9/2019, ngày 07/11/2019, ngày 09/01/2020, ngày 12/02/2020 và $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí mai táng là 102.060.000đồng. Tổng cộng: 1.902.060.000đồng.

Buộc những người thừa kế của ông T4 gồm bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2; ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H mỗi người phải hoàn trả cho ông C số tiền chi phí mai táng là 25.515.000đồng.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý Minh C về việc yêu cầu những người thừa kế của ông T4 gồm bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 và ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H phải thực hiện $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ đối với khoản vay 1.800.000.000đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/9/2024 bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 159/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh C và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Minh H.

Ngày 25/9/2024, nguyên đơn bà Lý Thị Bích P kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án. Ngày 25/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh C kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông C. Ngày 24/10/2024, bà P và ông C có đơn rút lại đơn kháng cáo và toàn bộ nội dung kháng cáo. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà P và ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lý Thị Bích P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Minh C vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H3 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo; các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thoả thuận của các bên hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để công nhận sự thoả thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả thoả thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Lý Phương T1 và bà Nguyễn Lý Phương T2 là những người được Tòa án triệu tập có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T1 và bà T2.

[1.3] Ngày 25/9/2024, ông Lý Minh C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông C. Ngày 25/9/2024, bà Lý Thị Bích P có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, đến ngày 24/10/2024, ông Lý Minh C và bà Lý Thị Bích P có đơn rút đơn kháng cáo và rút toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo trước đó. Xét thấy, việc rút đơn kháng cáo này là tự nguyện nên căn cứ theo Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lý Minh C và bà Lý Thị Bích P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại cấp phúc thẩm, theo Biên bản ngày 04/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, nguyên đơn bà Lý Thị Bích P và bị đơn ông Nguyễn Minh T đồng ý chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 như sau:

- Phần đất mà ông T được hưởng với diện tích $9,4\text{m} \times 26,5\text{m} = 249,1\text{m}^2$.

- Đối với ông H, nguyên đơn bà P đồng ý chia cho ông H phần đất có diện tích $6\text{m} \times 26,5\text{m} = 159\text{m}^2$ (có vị trí giáp với phần đất của ông T) và ông H phải trả lại cho bà P số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật (từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm) là $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 48 \text{ tháng} = 99.600.000 \text{ đồng}$ (Chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm nguyên đơn bà P và bị đơn ông T thống nhất đồng ý, không có ý kiến thay đổi.

Theo Đơn xin trình bày ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông H thống nhất với nội dung thoả thuận ngày 04/3/2025 giữa nguyên đơn bà P và bị đơn ông T, ông C tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Ông H sẽ nhận phần đất 160m² và tự nguyện đồng ý giao phần đất này cho ông T và ông T có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm và các khoản phải trả sau khi thoả thuận bao gồm 25.515.000 đồng tiền mai táng phí của ông Nguyễn Văn T4, 250.000.000 đồng tiền ông H đã nhận của bà P và 99.600.000 đồng tiền lãi suất ngân hàng.

Theo Bản thoả thuận (về việc chia di sản thừa kế) ngày 18/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lý Phương T1 và bà Nguyễn Lý Phương T2 trình bày:

- Bà T1 và bà T2 thống nhất chia cho ông T phần đất có diện tích 9,4m x 26,5m = 249,1m².

- Đối với ông H, bà T1 và bà T2 thống nhất chia cho ông H phần đất có diện tích 6m x 26,5m = 159m² (có vị trí giáp với phần đất của ông T) và ông H phải trả lại cho bà P số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật (từ tháng 5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm) là 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng = 99.600.000 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm bà T1 và bà T2 thống nhất đồng ý, không có ý kiến thay đổi.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thoả thuận về việc giải quyết vụ án theo các văn bản như tại mục [2.1] như sau:

- Xác định thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng ½ giá trị tài sản nhà, các công trình phụ và đồ dùng sinh hoạt gia đình trị giá 816.792.820 : 2 = 408.396.410 đồng) là di sản do ông Nguyễn Văn T4 chết để lại.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 đối với thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 cho bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 và ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H như sau:

+ Bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 được chia phần đất có diện tích 633m² (trong đó có 50m² đất thổ cư) gắn liền căn nhà cấp 04 diện tích 212,5m² có kết cấu tường gạch xây tô, nền gạch men, mái đúc thuộc một phần thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Minh T được chia phần đất có diện tích 248,5m² (9,4m x 26,5m) gắn liền với căn nhà tạm 83,6m² và 15,7m² KLXD có kết cấu cột sắt, vách

gạch + tole, nền xi măng, mái tole thuộc một phần thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Minh H được chia phần đất có diện tích 151,3m² (6m x 5,5m x 26,5m) thuộc một phần thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Ông Nguyễn Minh H tự nguyện giao lại kỷ phần di sản được hưởng cho ông Nguyễn Minh T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

+ Bà Lý Thị Bích P được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 máy lạnh; 01 ti vi hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế gỗ gỗ đỏ; 01 cái bàn gỗ cắm xe và 01 bộ ván gỗ giáng hương.

+ Bà Lý Thị Bích P có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông T4 gồm bà Nguyễn Lý Phương T2, bà Nguyễn Lý Phương T1, ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H mỗi người một kỷ phần thừa kế đối với di sản là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của ông T4 là 81.679.282 đồng (T6 mươi một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

+ Bà Lý Thị Bích P phải thanh toán cho ông Lý Minh C số tiền là 1.902.060.000 đồng (Một tỷ chín trăm lẻ hai triệu sáu chục nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Lý Phương T2, bà Nguyễn Lý Phương T1, ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H phải trả cho ông Lý Minh C số tiền là 25.515.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Minh T tự nguyện trả số tiền 25.515.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) cho ông Lý Minh C thay cho ông Nguyễn Minh H (ông Lý Minh C đồng ý nhận số tiền 25.515.000 đồng từ ông Nguyễn Minh T).

+ Ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lý Thị Bích P số tiền là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất từ tháng 5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 48 tháng: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng = 99.600.000 đồng (Chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 349.600.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Ông Nguyễn Minh T tự nguyện và đồng ý trả số tiền 349.600.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) cho bà Lý Thị Bích P thay cho ông Nguyễn Minh H (bà Lý Thị Bích P đồng ý nhận số tiền 349.600.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) cho từ ông Nguyễn Minh T).

+ Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 159/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét thấy, thoả thuận của các bên tại phiên tòa là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và công nhận thoả thuận của các đương sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà P có đơn xin miễn án phí cho người cao tuổi. Căn cứ vào căn cước công dân của bà P cung cấp cho Tòa án, bà P sinh ngày 22/6/1965 cho nên theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì trường hợp của bà P không được miễn án phí dân sự.

[5.1] Bà Lý Thị Bích P nhận được 1/3 phần đất có diện tích 633m² là 211m² (trong đó có 50m² đất thổ cư có giá 20.000.000 đồng/m² và 161m² đất trồng cây lâu năm có giá 15.000.000 đồng/m²) trị giá là 3.415.000.000 đồng và tài sản sinh hoạt trong gia đình trị giá là 408.396.410 đồng và 1/5 di sản của ông Nguyễn Văn T4 để lại trị giá là 81.679.282 đồng, tổng cộng là 3.905.075.692 đồng. Như vậy, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 110.101.514 đồng. Ngoài ra, đối với số tiền mà bà P phải thanh toán cho ông Lý Minh C là 1.902.060.000 đồng thì bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 69.061.800 đồng.

[5.2] Ông Nguyễn Minh T nhận được 248,5m² đất trồng cây lâu năm và 151,3m² trồng cây lâu năm (do ông H tự nguyện giao lại) có giá 15.000.000 đồng/m², trị giá là 5.997.000.000 đồng và 1/5 di sản của ông Nguyễn Văn T4 để lại trị giá là 81.679.282 đồng, tổng cộng là 6.078.679.282 đồng. Như vậy, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 114.078.679 đồng. Ngoài ra, đối với số tiền 25.515.000 đồng mà ông T trả cho ông Lý Minh C, số tiền 25.515.000 đồng mà ông T trả ông Lý Minh C thay cho ông Nguyễn Minh H và số tiền 349.600.000 đồng mà ông T trả bà Lý Thị Bích P thay cho ông Nguyễn Minh H thì ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.025.200 đồng.

[5.3] Bà Nguyễn Lý Phương T2 và bà Nguyễn Lý Phương T1 mỗi người nhận được 1/3 phần đất có diện tích 633m² là 211m² đất trồng cây lâu năm (có giá 15.000.000 đồng/m²) trị giá là 3.165.000.000 đồng và nhận 1/5 di sản của ông Nguyễn Văn T4 để lại trị giá là 81.679.282 đồng, tổng cộng mỗi người nhận được 3.246.679.282 đồng. Như vậy, bà T2 và bà T1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 96.933.586 đồng. Ngoài ra, đối với số tiền 25.515.000 đồng mà bà T2 và bà T1 phải trả cho ông Lý Minh C thì mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.275.750 đồng.

[5.4] Ông Nguyễn Minh H được nhận 1/5 di sản của ông Nguyễn Văn T4 để lại trị giá là 81.679.282 đồng. Như vậy, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 4.083.964 đồng..

[5.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2, ông Nguyễn Minh H và ông Nguyễn Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông Lý Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Những người kháng cáo là nguyên đơn bà Lý Thị Bích P, bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lý Thị Bích P và ông Lý Minh C.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 320/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

3.1. Xác định thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng ½ giá trị tài sản nhà, các công trình phụ và đồ dùng sinh hoạt gia đình trị giá 408.396.410 đồng) là di sản do ông Nguyễn Văn T4 chết để lại.

3.2. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 đối với thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 cho bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 và ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H như sau:

- Bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 được chia phần đất có diện tích 633m² (trong đó có 50m² đất thổ cư) gắn liền căn nhà cấp 04 diện tích 212,5m² có kết cấu tường gạch xây tô, nền gạch men, mái đúc thuộc một phần thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn

Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*) ký hiệu C.

- Ông Nguyễn Minh T được chia phần đất có diện tích $248,5\text{m}^2$ ($9,4\text{m} \times 26,5\text{m}$) gắn liền với căn nhà tạm $83,6\text{m}^2$ và $15,7\text{m}^2$ KLXD có kết cấu cột sắt, vách gạch+ tole, nền xi măng, mái tole thuộc một phần thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*) ký hiệu A.

- Ông Nguyễn Minh H được chia phần đất có diện tích $151,3\text{m}^2$ ($6\text{m} \times 5,5\text{m} \times 26,5\text{m}$) thuộc một phần thửa đất số 893, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H09404 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 26/12/2005 cho ông Nguyễn Văn T4 cùng toàn bộ các tài sản gắn liền khác trên phần đất. (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*) ký hiệu B.

- Ông Nguyễn Minh H tự nguyện giao lại kỷ phần di sản được hưởng cho ông Nguyễn Minh T được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

Các đương sự nêu trên có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia giao theo quyết định của bản án theo quy định pháp luật về đất đai.

- Bà Lý Thị Bích P được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 máy lạnh; 01 ti vi hiệu Samsung; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 tủ lạnh hiệu Toshiba; 01 bộ bàn ghế gỗ gỗ đỏ; 01 cái bàn gỗ cắm xe và 01 bộ ván gỗ giáng hương.

- Bà Lý Thị Bích P có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế của ông T4 gồm bà Nguyễn Lý Phương T2, bà Nguyễn Lý Phương T1, ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H mỗi người một kỷ phần thừa kế đối với di sản là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của ông T4 là 81.679.282 đồng (Tám mươi một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi hai đồng).

- Bà Lý Thị Bích P phải thanh toán cho ông Lý Minh C số tiền là 1.902.060.000 đồng (Một tỷ chín trăm lẻ hai triệu sáu chục nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Lý Phương T2, bà Nguyễn Lý Phương T1, ông Nguyễn Minh T và ông Nguyễn Minh H phải trả cho ông Lý Minh C số tiền là 25.515.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Minh T tự nguyện trả số tiền 25.515.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) cho ông Lý Minh C thay cho ông Nguyễn Minh H (ông Lý Minh C đồng ý nhận số tiền 25.515.000 đồng từ ông Nguyễn Minh T).

- Ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm thanh toán cho bà Lý Thị Bích P số tiền là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất từ tháng 5/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 48 tháng: 250.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng = 99.600.000 đồng (Chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 349.600.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Minh T tự nguyện và đồng ý trả số tiền 349.600.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) cho bà Lý Thị Bích P thay cho ông Nguyễn Minh H (bà Lý Thị Bích P đồng ý nhận số tiền 349.600.000 đồng từ ông Nguyễn Minh T).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền trên, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 159/2024/DS-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá là 7.398.000 đồng; bà Nguyễn Lý Phương T1, bà Nguyễn Lý Phương T2 và ông Nguyễn Minh T mỗi người phải nộp 1.849.500 đồng để hoàn trả cho nguyên đơn.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Bà Lý Thị Bích P phải chịu 179.163.314 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.468.000 đồng theo Biên lai số 0000981 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương, còn phải nộp 177.695.314 đồng.

5.2. Ông Nguyễn Minh T phải chịu 134.103.879 đồng.

5.3. Bà Nguyễn Lý Phương T1 và bà Nguyễn Lý Phương T2 mỗi người phải chịu 98.209.336 đồng.

5.4. Ông Nguyễn Minh H phải chịu 4.083.964 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003397 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5.5. Ông Lý Minh C không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.040.600 đồng theo Biên lai số 0003179 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

6.1. Bà Lý Thị Bích P phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự phúc thẩm là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên

lai số 0003186 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

6.2. Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0008729 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

6.3. Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0008730 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

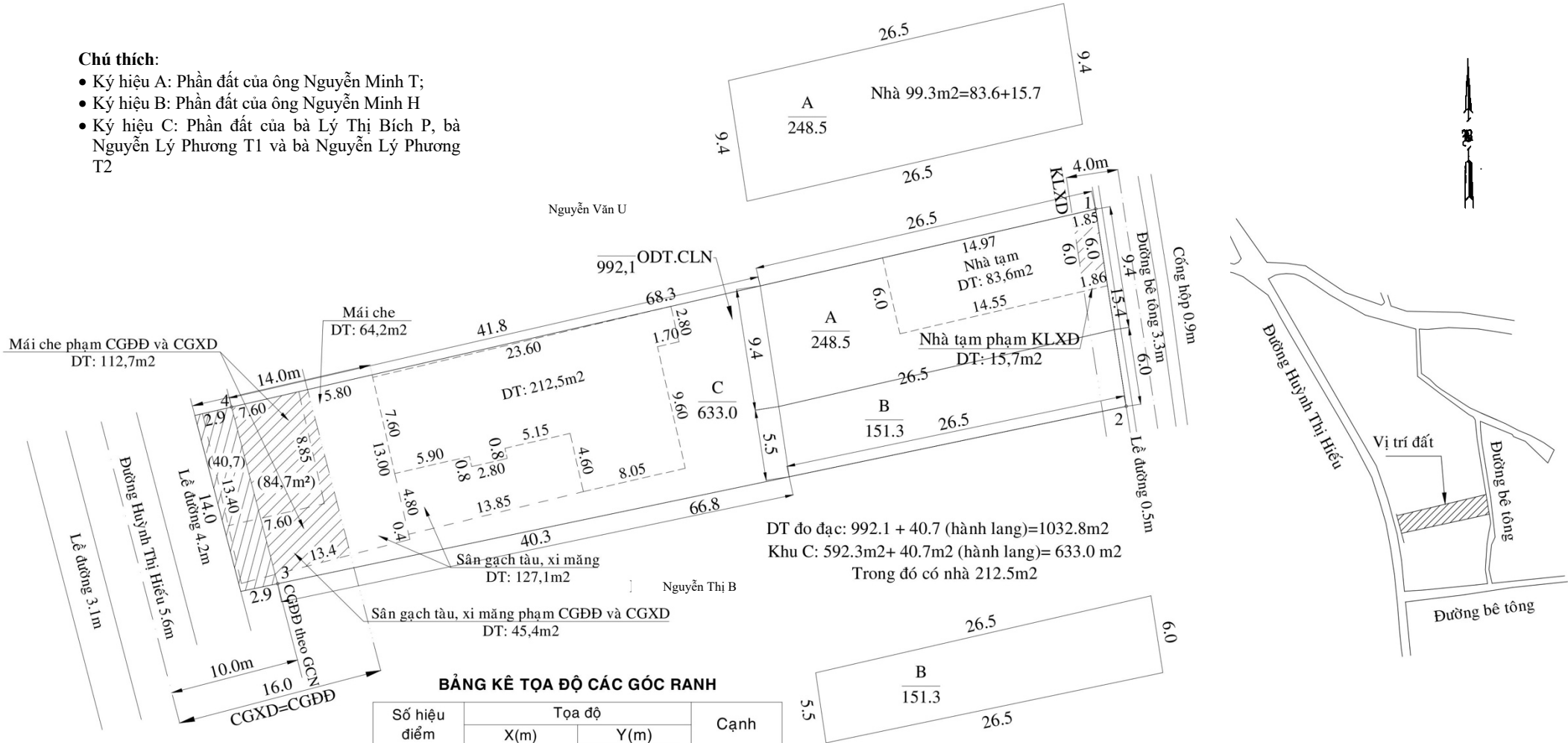
Nguyễn Trung Dũng

SƠ ĐỒ BẢN VẼ

(Kèm theo Bản án số 192/2025/DS-PT ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giữa nguyên đơn bà Lý Thị Bích P và bị đơn ông Nguyễn Minh T)

Chú thích:

- Ký hiệu A: Phần đất của ông Nguyễn Minh T;
- Ký hiệu B: Phần đất của ông Nguyễn Minh H
- Ký hiệu C: Phần đất của bà Lý Thị Bích P, bà Nguyễn Lý Phương T1 và bà Nguyễn Lý Phương T2



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ CÁC GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1220344.624	594608.779	15.40
2	1220329.427	594611.131	66.80
3	1220315.777	594545.786	14.00
4	1220329.378	594542.238	68.30
1	1220344.624	594608.779	

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng